TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30- 6 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Hòa

2. Ông Hoàng Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Linh– Thư ký Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiệp– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 2 năm 2022 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXX-ST ngày 17 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Đ, sinh năm 1983. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trương Văn G, sinh năm 1981. Có mặt

Cùng ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Chung cư Tecco, tổ 03, phường Kim Tân,thành phố L, tỉnh Lào Cai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Bùi Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Đ và anh Trương Văn G đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 12 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Minh, thành phố L, tỉnh Lào Cai trên cơ sở kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống không có hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong quá trình chung sống anh Giang qua lại với nhiều người phụ nữ khác nhau, cờ bạc,

rượu chè chửi mắng vợ , dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra xích mích, cãi cọ nhau, vợ chồng không có sự thông cảm, chia sẻ. Vợ chồng anh chị mặc dù sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, không có quan hệ gì về tình cảm lẫn kinh tế. Tuy mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình, tổ dân phố hòa giải xong đến nay cuộc sống vợ chồng anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Đào đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn G.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai người con chung là cháu Trương Anh Thư, sinh ngày 07/11/2009 và cháu Trương Thu Trang, sinh ngày 16/12/2011. Khi ly hôn chị Đào đề nghị Tòa án giải quyết cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cả hai con chung là cháu Trương Anh Thư và cháu Trương Thu Trang. Không yêu cầu anh Giang cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Bùi Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qúa trình tham gia phiên tòa anh Trương Văn G trình bày: Về ngày tháng năm và địa điểm đăng ký kết hôn giữa anh và chị Bùi Thị Đ như chị Đào trình bày là hoàn toàn đúng, sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì trầm trọng, chị Đào trình bày anh Giang có quan hệ qua lại nhiều người phụ nữ khác là không đúng, do chị Đào tự ghen tuông rồi đổ lỗi cho anh, vợ chồng anh chị vẫn sống chung một nhà, quan điểm của anh Giang chị Đào đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn tại phiên tòa anh cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai người con chung là cháu Trương Anh Thư, sinh ngày 07/11/2009 và cháu Trương Thu Trang, sinh ngày 16/12/2011. Khi ly hôn anh Giang đề nghị Tòa án giải quyết phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Anh Giang không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Trương Văn G đầy đủ, đảm bảo theo quy định của pháp luật nhưng anh Giang không đến Tòa án tham gia viết bản tự khai, tham gia phiên hòa giải và công khai chứng cứ.

Tại phiên toà, chị Bùi Thị Đ vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm: Đây là vụ án *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đã được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Đ. Xử cho chị Bùi Thị Đ được ly hôn với anh Trương Văn G. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trương Anh Thư, sinh ngày 07/11/2009 và cháu Trương Thu Trang, sinh ngày 16/12/2011 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Trương Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Chị Bùi Thị Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai. Quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Trương Văn G theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Giang không đến Tòa án tham gia tố tụng. Vì vậy, vụ án không tiến hành hoà giải theo quy định tại Khoản 2 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, nguyên đơn chị Bùi Thị Đ và bị đơn anh Trương Văn G có mặt. Tòa án tiến hành xét xử .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Đ trên cơ sở căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Bùi Thị Đ và anh Trương Văn G đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 12 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân phường Bình Minh, thành phố L, tỉnh Lào Cai trên cơ sở kết hôn tự nguyện. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị Bùi Thị Đ và anh Trương Văn G là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do trong quá trình chung sống anh chị không có tiếng nói chung, không còn hòa hợp nhau về lối sống cũng như suy nghĩ nên vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra xích mích, cãi cọ nhau, vợ chồng không có sự thông cảm, chia sẻ. Vợ chồng anh chị mặc dù sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, không có quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Đến nay chị Bùi Thị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Đào đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn G. Do vậy

cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Đ là có căn cứ, phù hợp theo Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai người con chung là cháu Trương Anh Thư, sinh ngày 07/11/2009 và cháu Trương Thu Trang, sinh ngày 16/12/2011. Khi ly hôn chị Đào đề nghị Tòa án giải quyết cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu Trương Anh Thư và cháu Trương Thu Trang và không yêu cầu anh Giang cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị Đào có công việc ổn định và có thu nhập, hiện nay chị đang làm cán bộ tại chi nhánh Mỏ Tuyển Đồng Sin Quyền Lào Cai, thu nhập bình quân 8.000.000 đồng/ tháng. Mặt khác khi lấy ý kiến của con trên 7 tuổi, cháu Trương Anh Thư và cháu Trương Thu Trang có nguyện vọng ở cùng với mẹ, hai cháu là con gái đang ở tuổi dậy thì nên cần sự chăm sóc của người mẹ, quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập anh Trương Văn G lên làm việc nhưng anh Giang không có mặt vì vậy Toà án không lấy được ý kiến quan điểm của anh Giang về con chung và cũng không xác định được hiện nay anh làm nghề gì. Tại phiên tòa anh Giang đề nghị Tòa án giải quyết cấp dưỡng cho con chung theo quy định pháp luật, nhưng chị Đào không yêu cầu anh Giang phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Trương Anh Thư, sinh ngày 07/11/2009 và cháu Trương Thu Trang, sinh ngày 16/12/2011 cho chị Đào là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục đến các cháu đủ 18 tuổi và tạm thời anh Giang không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi chung là phù hợp.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị Bùi Thị Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị Đ phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 ; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Đ được ly hôn anh Trương Văn G. Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị Đ và anh Trương Văn G chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Bùi Thị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cháu Trương Anh Thư, sinh ngày 07/11/2009 và cháu Trương Thu Trang, sinh ngày 16/12/2011 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tạm thời anh Trương Văn G không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Anh Trương Văn G có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Đ phải chịu 300.000VNĐ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001340 ngày 17 tháng 2 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Chị Bùi Thị Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị Đ và bị đơn anh Trương Văn G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND (2);
- UBND phường Bình Minh, Thành phố L, tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS TP;
- Các đương sự;
- Lưu HS - Tập án.

Nguyễn Thị Kim Dung